

Số: 108/QĐ-YT

Đơn Dương, ngày 07 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025
(đợt 2)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM Y TẾ ĐƠN DƯƠNG

Căn cứ Quyết định số 614/QĐ-UBND ngày 08/11/1988 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v thành lập Trung tâm Y tế Đơn Dương; Quyết định 685/QĐ-UBND ngày 19/4/2022 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Lâm Đồng V/v Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Y tế huyện Đơn Dương trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-SYT ngày 23/01/2025 của Sở Y tế Lâm Đồng về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính kế toán Trung tâm Y tế Đơn Dương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách được giao năm 2025 (đợt 2) như sau:

- Kinh phí không thực hiện tự chủ: Kinh phí hoạt động y tế dự phòng và dân số phát triển: 2.251.000.000 đồng.

Tổng cộng: 2.251.000.000 đồng (Hai tỷ, hai trăm năm mươi một triệu đồng).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng TCKT; các khoa, phòng, trạm y tế và toàn thể viên chức, người lao động của Trung tâm Y tế Đơn Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./-

Nơi nhận:

- Sở Y tế (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, PTTT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Bôn

**BẢNG CÔNG KHAI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
ĐỢT 2 NĂM 2025**

(Kèm theo quyết định số 108/QĐ-YT ngày 07 tháng 02 năm 2025)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán được giao
A	TỔNG SỐ THU, CHI, NỢP NGÂN SÁCH THU DỊCH VỤ KCB	0
B	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	2.251.000.000
I	KINH PHÍ CẤP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ	
II	KINH PHÍ CẤP THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ KHÔNG TỰ CHỦ	2.251.000.000
	Hệ dự phòng - Khoản 131	2.251.000.000
	Kinh phí hoạt động y tế - Dân số	2.251.000.000
1	Kinh phí phòng chống dịch lưu hành tại địa phương, dịch mới nổi và phòng chống thiên tai thảm họa	61.600.000
a	Chương trình phòng chống dịch lưu hành tại địa phương	56.600.000
b	Dịch hạch	5.000.000
2	Kinh phí Phòng chống bệnh truyền nhiễm	678.300.000
	Hoạt động phòng, chống lao	188.300.000
	Hoạt động phòng, chống phong	10.000.000
	Hoạt động phòng, chống sốt rét	50.000.000
	Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết	430.000.000
3	Kinh phí phòng, chống một số bệnh không lây nhiễm phổ biến	210.413.000
	Hoạt động phòng, chống ung thư	16.443.000
	Hoạt động phòng, chống tăng huyết áp	68.440.000
	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường	55.910.000
	Phòng chống các rối loạn do thiếu Iod	20.000.000
	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính và hen phế quản (BPTNMT- HPQ)	49.620.000
4	Chăm sóc sức khỏe học sinh	3.680.000
5	Tiêm chủng mở rộng	126.610.000
6	Dân số và phát triển	512.692.000
a	Duy trì mức sinh thay thế, tỷ số giới tính khi sinh	229.892.000
b	Nâng cao chất lượng dân số	218.540.000

c	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi	64.260.000
7	Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại cộng đồng	12.000.000
8	Hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ sơ sinh	141.775.000
9	Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em	51.040.000
a	Nhóm hoạt động 1 - dinh dưỡng trẻ em	50.000.000
b	Nhóm hoạt động 2 - vitamin A	1.040.000
10	An toàn vệ sinh thực phẩm	2.800.000
10a2	Nâng cao năng lực quản lý chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm	2.800.000
11	Phòng, chống HIV/AIDS	164.760.000
12	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần	112.660.000
13	Phòng chống tai nạn thương tích và xây dựng cộng đồng an toàn	15.000.000
14	Công tác y tế lao động; phòng chống bệnh nghề nghiệp	7.370.000
15	Vệ sinh môi trường	48.000.000
16	Thông tin, truyền thông y tế	98.800.000
a	Thông tin, truyền thông y tế lĩnh vực y tế dự phòng	87.100.000
b	Thông tin, truyền thông y tế lĩnh vực dân số phát triển	11.700.000
17	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình	3.500.000
c	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá lĩnh vực Y tế dân số phát triển	3.500.000
	TỔNG CỘNG	2.251.000.000